

Bản án số: **43/2024/KDTM-ST**

Ngày: 19/06/2024

V/v: *Tranh chấp hợp đồng kinh tế*
(Hợp đồng nguyên tắc- Mua bán
hàng hóa)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Mai Thị H**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vương Đình Q
Ông Phan Minh T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm: Bà Lê Thị Thùy D –
Kiểm sát viên. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy T– CBTA

Ngày 19/06/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 38/2024/TLST- KDTM ngày 07 tháng 05 năm 2024 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng kinh tế (*Hợp đồng nguyên tắc- Mua bán hàng hóa*) theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2024/QĐST-KDTM ngày 31/05/2024 giữa :

Nguyên đơn: Công ty TNHH K (Công ty K)

Địa chỉ: Số C, Ngõ C Phố T, Phường Đ, Quận H, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Tuyết M - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quý T (Theo Giấy ủy quyền ngày 24/11/2023 được ký kết giữa công ty TNHH K và Công ty L). Đại diện của công ty L bà Vũ Thị Thanh H – Luật sư. Có mặt

Bị đơn: Công ty Cổ phần B

Địa chỉ: số B, tổ dân phố N, phường Đ, Quận N, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc A - Chức vụ: Giám đốc. Có mặt

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 22/05/2024 và biên bản hòa giải ngày 31/05/2024 và tại phiên xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01 tháng 01 năm 2023, Công ty K và Công Ty Cổ Phần B (“**Vạn Phúc**”) đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc kinh doanh thương mại số 01T12023/MTA để thực hiện mua bán xi măng. Theo hợp đồng nguyên tắc Mai Thành A1 là đơn vị cung cấp xi măng cho Vạn P, hai bên đối soát công nợ và thanh toán theo tháng vào ngày mùng 5 hoặc chậm nhất ngày 10 của tháng kế tháng kế tiếp liền kề. Việc duy

trì cung cấp hàng hoá và thanh toán tiền được duy trì đến tháng 7 năm 2023. Từ tháng 8 năm 2023 trở đi phía V đã không thực hiện việc thanh toán đầy đủ công nợ.

Vào ngày 31 tháng 8 năm 2023, Mai Thành A1 đã gửi bản đối chiếu công nợ thực tế kỳ hạn từ ngày 01/08/2023 đến hết ngày 31/08/2023. Số dư công nợ phát sinh trong kỳ là 0đ, số dư nợ kỳ trước chuyển sang là 4.022.843.750 (Bằng chữ: Bốn tỷ, không trăm hai mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng). Vạn P đã thực hiện thanh toán tổng số tiền 250.000.000 (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng) trong kỳ hạn. Số dư nợ cuối kỳ tính đến ngày 31/8/2023 là 3.772.843.750 (Bằng chữ: Ba tỷ, bảy trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2023 Mai Thành A1 đã gửi bản đối chiếu công nợ thực tế kỳ hạn từ ngày 01/09/2023 đến hết ngày 30/09/2023. Số dư công nợ phát sinh trong kỳ là 0 VNĐ, số dư nợ kỳ trước chuyển sang là 3.772.843.750 (Bằng chữ: Ba tỷ, bảy trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng). Bên Công Ty Cổ Phần B đã thực hiện thanh toán tổng số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng). Như vậy tính đến hết 30 tháng 09 năm 2023 Vạn P còn phải thanh toán cho Mai Thành A1 số tiền 3.672.843.750 VNĐ (Bằng chữ: Ba tỷ, sáu trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, phía M1 đã gửi bản đối chiếu công nợ thực tế kỳ hạn từ ngày 01/10/2023 đến hết ngày 31/10/2023. Số dư công nợ phát sinh trong kỳ là 0VNĐ, số dư nợ kỳ trước chuyển sang là 3.672.843.750 VNĐ (Bằng chữ: Ba tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng). Bên Công Ty cp B đã thực hiện thanh toán tổng số tiền 100.000.000 (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng). Như vậy tính đến hết 31 tháng 10 năm 2023 Vạn P còn phải thanh toán cho Mai Thành A1 số tiền 3.572.843.750 VNĐ (Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Ngày 31 tháng 10 năm 2023 Mai Thành A1 đã gửi đề nghị thanh toán yêu cầu phía Vạn Phúc thanh toán số tiền theo công nợ hai bên là 3.572.843.750 VNĐ (Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Từ ngày 31 tháng 10 năm 2023 đến ngày 26 tháng 2 năm 2024 sau nhiều lần gửi công văn đề nghị thanh toán phía Vạn Phúc mới thanh toán thêm 772.843.750 VNĐ (Bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng). Công nợ còn lại là **2.800.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm triệu đồng)**.

Theo như hợp đồng nguyên tắc số 01T12023/MTA – VP, Mai Thành A1 đã thực hiện nghĩa vụ gửi bản đối chiếu công nợ đúng hạn quy định là trước ngày 15

của tháng kế tiếp vào ngày 31/08/2023 và ngày 30/09/2023 và ngày 31/10/2023.

Sau khi ký kết Hợp Đồng số 01T12023/MTA - VP, Công ty K đã nghiêm túc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng và theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2023, Vạn P đã vi phạm nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng số 01T12023/MTA - VP khi không thanh toán đầy đủ cho Mai Thành A1 theo đối chiếu công nợ hàng tháng. Tổng giá trị còn nợ đến thời điểm nộp đơn khởi kiện là **2.800.000.000 VNĐ** (*Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm triệu đồng*).

Mặc dù Mai Thành A1 đã nhiều lần yêu cầu Vạn Phúc thanh toán Khoản Nợ, tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại, Mai Thành A1 vẫn chưa nhận được đầy đủ số tiền đề nghị thanh toán và nhận thấy phía Vạn P không tích cực thanh toán khoản nợ quá hạn.

Ngày 10/5/2024, công ty B đã thanh toán cho công ty K số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 30/5/2024, công ty B đã thanh toán tiếp cho Công ty K số tiền 50.000.000 đồng.

Do đó, kính đề nghị Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm giải quyết nội dung sau đây:

Buộc Công ty B phải thanh toán số tiền công nợ còn thiếu theo thỏa thuận trong hợp đồng cho Công ty K là: **2.650.000.000 VNĐ** (*Bằng chữ: Hai tỷ, sáu trăm năm mươi triệu đồng*).

Theo biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2024, biên bản hòa giải ngày 22/5/2024, biên bản hòa giải ngày 31/5/2024 và tại phiên xét xử, Bị đơn đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Ngọc A trình bày:

Công ty cổ phần B xác nhận có ký kết Hợp đồng nguyên tắc kinh doanh thương mại số 01T12023/MTA vào ngày 01/01/2023 với Công ty TNHH K để thực hiện mua bán xi măng cho Công ty B hai bên đối soát công nợ và thanh toán theo tháng vào ngày mùng 5 hoặc chậm nhất ngày 10 của tháng kể từ tháng kế tiếp liền kề. Hiện nay, Công ty B đã trả một khoản tiền cho Công ty K và hiện còn nợ số tiền là 2.650.000.000 đồng.

Từ trước đến nay hai Công ty làm ăn quan hệ tốt, tuy nhiên do hiện nay nguồn tài chính Công ty B đang gặp nhiều khó khăn nên chưa có điều kiện để thanh toán hết khoản nợ cho Công ty K. Các bạn hàng cũng nợ của Công ty B rất nhiều và tôi cũng đã phải tạo điều kiện cho họ dần thanh toán khoản nợ. Công ty B rất có thiện chí để thanh toán khoản nợ cho Công ty K, do vậy, Công ty B đưa ra phương án sẽ trả dần mỗi tháng 50.000.000 đồng kể từ tháng 05/2024 cho đến khi hết khoản tiền còn nợ là 2.650.000.000 đồng. Đề nghị Công ty K tạo điều kiện cho Công ty B để thanh toán hết khoản nợ trên.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 30, 35, 68, 97 Bộ luật tố tụng Dân sự.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

- Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Các đương sự đã chấp hành nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

2. Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng nguyên tắc với tổng số tiền là **2.650.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng)**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng kinh tế”. Bị đơn trong vụ án là Công ty cổ phần B có địa chỉ tại số B tổ dân phố N, phường Đ, quận N, TP Hà Nội nên Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

**** Xét luật nội dung áp dụng giải quyết vụ án:***

Công ty TNHH K ký kết Hợp đồng Nguyên tắc số 01T12023/MTA-VP với Công ty cổ phần B vào ngày 01/01/2023. Mục đích ký kết hợp đồng để thực hiện mua bán xi măng.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Bộ Luật dân sự năm 2015, Luật thương mại 2005 để giải quyết vụ án

***Về thời hiệu khởi kiện:** Theo Biên bản lấy lời khai ngày 22/05/2024 của bị đơn, bị đơn xác nhận còn nợ Công ty K, vì vậy căn cứ Điều 154 Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ.

***Về việc ký kết hợp đồng nguyên tắc:**

Theo các tài liệu do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án:

Ngày 01/01/2023, Công ty TNHH K và Công ty B ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 01T12023/MTA-VP về việc mua bán xi măng.

Xét nội dung của Hợp đồng nguyên tắc không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với nhu cầu của các bên. Thời điểm ký kết Hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Điều 24 Bộ luật thương mại 2005 và Điều 430 Bộ luật dân sự 2015. Hội đồng xét xử công nhận Hợp đồng nguyên tắc giữa Công ty TNHH K và Công ty cổ phần B là có thật và hợp pháp.

*** Về việc yêu cầu trả số tiền nợ gốc:**

Sau khi ký kết Hợp Đồng Nguyên tắc số 01T12023/MTA - VP, Công ty K đã nghiêm túc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng và theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2023, Vạn P đã vi phạm nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng số 01T12023/MTA - VP khi không thanh toán đầy đủ cho Công ty K theo đối chiếu công nợ hàng tháng. Tổng giá trị còn nợ đến thời điểm nộp đơn khởi kiện là **2.800.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm triệu đồng).

Mặc dù Công ty K đã nhiều lần yêu cầu Công ty B thanh toán khoản nợ. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại, Công ty K vẫn chưa nhận được đầy đủ số tiền đề nghị thanh toán và nhận thấy phía Vạn P không tích cực thanh toán khoản nợ quá hạn.

Đến ngày 10/5/2024, Công ty B đã thanh toán cho Công ty K số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 30/5/2024, Công ty B đã thanh toán tiếp cho Công ty K số tiền 50.000.000 đồng.

Như vậy số tiền hiện nay Công ty B phải thanh toán cho Công ty K tổng số tiền **2.650.000.000 đồng**.

Căn cứ Khoản 3 Điều 434 của Bộ luật dân sự 2015 quy định về thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán:

“3. Bên mua thanh toán tiền mua theo thời gian thỏa thuận. Nếu không xác định hoặc xác định không rõ ràng thời gian thanh toán thì bên mua phải thanh toán ngay tại thời điểm nhận tài sản mua hoặc nhận giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản.”

Căn cứ theo Khoản 1 Điều 50 của Luật Thương mại 2005 quy định về Thanh toán: “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận*”

Căn cứ theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/08/2023, ngày 30/9/2023, ngày 31/12/2023 được ký kết giữa hai bên.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc của Hợp đồng mua bán hàng hóa tổng số tiền là: **2.650.000.000 đồng** có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117, 119, 351, 357, 388, 393, 398, 430, 434 của Bộ luật dân sự 2015;

Điều 24, 50 của Luật Thương mại 2005

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K đối với Công ty cổ phần B.

2. Buộc Công ty cổ phần B phải thanh toán khoản nợ cho Công ty TNHH K tổng số tiền nợ gốc là: **2.650.000.000 đồng** (*hai tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Công ty B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **85.000.000 đồng**.

Công ty K không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty K số tiền **44.000.000 đồng** đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0009654 ngày 07/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm.

Án xử công khai sơ thẩm. Công ty TNHH K và Công ty cổ phần B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS quận Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Mai Thị H1